| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 262/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2021

*" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Văn Cương**
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Tấn Thức**
Ông **Trần Đức Hiếu**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Thi Thị Hoàng Yến –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa***: Bà **Trần Lê Phượng** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 114/2021/TLST – HNGĐ ngày 12/4/2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Kiệt 122/12 đường P, tổ 28 phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Đoàn Văn B**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 27, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam An Điềm - Cục C10 Bộ công an thuộc xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2021 và bản tự khai ngày 10/8/2021 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/9/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn Văn B kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại phường tổ 27, phường

H, quận C, TP Đà Nẵng. Qúa trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B có quan hệ với người phụ nữ khác, thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Sau đó đến năm 2017, ông B bị kết án 10 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, chấp hành án phạt tù tại trại giam An Điềm, tỉnh Quảng Nam, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay bà T không còn tình cảm yêu thương gì với ông B. Do đó, bà Nguyễn Thị Phương T đề nghị Tòa án giải cho bà được ly hôn với ông Đoàn Văn B.

-*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Phương T xác định vợ chồng bà có 01 con chung tên Đoàn Đính T, sinh ngày 16/03/2012. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Đính T cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Đoàn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có.

*Tại bản tự khai ngày 02/8/2021 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 02/8/2021 bị đơn ông Đoàn Văn B trình bày:*

-*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đoàn Văn B thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Phương T về thời gian, điều kiện kết hôn như lời trình bày của bà T trình bày nêu trên. Quá trình chung sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân ông thiếu trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc gia đình vợ, con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, ông Đoàn Văn B đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà T.

-*Về con chung:* Ông Đoàn Văn B thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Phương T xác định vợ chồng ông có 01 con chung tên Đoàn Đính T, sinh ngày 16/3/2012. Nguyện vọng của ông B là được trực tiếp nuôi con chung sau khi chấp hành xong án phạt tù.

-*Về tài sản chung:* Ông B xác định không có.

-*Về nợ chung:* Ông B xác định không có.

Qúa trình giải quyết vụ án, bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đoàn Văn B đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung đơn khởi kiện, ý kiến trình bày, lời khai của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo

quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuyên thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương T và ông Đoàn Văn B đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T, xử cho bà Trinh được ly hôn ông Đoàn Văn B.

Về con chung: Do hiện nay ông B đang chấp hành án phạt tù, bà T có đầy đủ điều khiện nuôi dưỡng chăm sóc con, mặt khác nguyện vọng của cháu Đoàn Đính T cũng mong muốn được ở với mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, giao con chung Đoàn Đính T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* bị đơn là ông Đoàn Văn B có địa chỉ nơi cư trú tại: Tổ 27, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T và bị đơn ông Đoàn Văn B vắng mặt. Tuy nhiên bà T, ông B đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của các đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày, nguyện vọng của các bên và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Đoàn Văn B kết

hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, TP Đà Nẵng, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Qúa trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng bà T, ông B phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T, ông B trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B có quan hệ ngoại tình; thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Sau đó, ông B bị kết án 10 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và bị đưa đi chấp hành án phạt tù tại trạm giam An Điềm, tỉnh Quảng Nam. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Bị đơn ông Đoàn Văn B thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của ông như bà T trình bày, nên ông đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương T, ông Đoàn Văn B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T, xử cho bà Trinh được ly hôn với ông Đoàn Văn B.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Đoàn Văn B thống nhất xác định vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên Đoàn Đính T, sinh ngày 16/03/2012. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Đính T cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Đoàn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung. Ông B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Đoàn Đính T sau khi chấp hành xong án phạt tù. Xét thấy, từ khi ông B bị bắt đưa đi chấp hành án phạt tù thì bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà T có công việc, có chỗ ở ổn định có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của cháu T cũng muốn được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T, giao cháu Đoàn Đính T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Đoàn Văn Bthống nhất xác định không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Căn cứ**: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**2. Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T đối với ông Đoàn Văn B về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".*

***2.1 Về quan hệ hôn nhân*:** Xử cho bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Đoàn Văn B.

***2.2 Về con chung*:** Giao con chung Đoàn Đính T, sinh ngày 16/03/2012 cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

***2.3*** *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Đoàn Văn B thống nhất xác định không có nên không xem xét.

***2.4*** *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Đoàn Văn B thống nhất xác định không có nên không xem xét.

**3. Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0008750 ngày 08/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ *(như vậy bà Trinh đã nộp đủ án phí).*

**4. Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (GCNĐKH số 110/2015 ngày 28/10/2015)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phan Văn Cương**